**NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**

**TÀI LIỆU KIỂM THỬ**

*Yêu cầu nhóm sinh viên hoàn thành tài liệu kiểm thử cho đồ án đã được giao theo biểu mẫu đính kèm.*

C:\Users\tdqua_000\Dropbox\SS-Slides\DeCuong-CDIO\Template CDIO v4.2\Templates\Hinh anh\LogoTruong.png

Bộ môn Công nghệ phần mềm

Khoa Công nghệ thông tin

Đại học Khoa học tự nhiên TP HCM

**MỤC LỤC**

[1 Thông tin nhóm 4](#_Toc532655397)

[2 Kế hoạch kiểm thử (Test plan) 5](#_Toc532655398)

[2.1. Các loại kiểm thử 5](#_Toc532655399)

[2.2. Kĩ thuật kiểm thử 5](#_Toc532655400)

[3 Test case 6](#_Toc532655401)

[3.1 Danh sách các test case 6](#_Toc532655402)

[*3.2* Đặc tả các test case 26](#_Toc532655403)

[3.2.1. Test case 1 26](#_Toc532655404)

[3.2.2. Test case 2 27](#_Toc532655405)

[3.2.3. Test case 3 28](#_Toc532655406)

[3.2.4. Test case 4 28](#_Toc532655407)

[3.2.5. Test case 5 29](#_Toc532655408)

[3.2.6. Test case 6 30](#_Toc532655409)

[3.2.7. Test case 7 30](#_Toc532655410)

[3.2.8. Test case 8 31](#_Toc532655411)

[3.2.9. Test case 9 32](#_Toc532655412)

[3.2.10. Test case 10 33](#_Toc532655413)

**TÀI LIỆU KIỂM THỬ**

Tài liệu tập trung vào các chủ đề:

* Tạo ra tài liệu kiểm thử phần mềm.
* Hoàn chỉnh tài liệu kiểm thử phần mềm với các nội dung:

Hiển thị dữ liệu phức tạp

DataGridView

* + Kế hoạch kiểm thử (Test plan)
  + Các test case
* Đọc hiểu tài liệu kiểm thử phần mềm.

# Thông tin nhóm

**Website / Facebook nhóm:** <https://www.facebook.com/groups/2165534867051914/>

**Link GitHub:** https://github.com/leuyennhi/ISE\_NMH\_12

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **MSSV** | **Họ Tên** | **Email** | **Điện thoại** |
| 1512615 | Nguyễn Nhật Trung | nguyennhattrung1408@gmail.com | 0971463052 |
| 1612470 | Lê Uyển Nhi | [1612470@gmail.com](mailto:1612470@gmail.com) | 0397350502 |
| 1612478 | Nguyễn Thanh Nhựt | nguyennhut581997@gmail.com | 0968254063 |
| 1612491 | Hồ Hoàng Phát | hoangphatho@gmail.com | 0919641084 |

# Kế hoạch kiểm thử (Test plan)

## 2.1. Các loại kiểm thử

**2.1.1. Kiểm thử dữ liệu và kết nỗi CSDL**

Thực hiện kiểm tra dữ liệu mà không cần giao diện người dùng.

Gọi các phương thức truy cập, thêm, xóa, sửa với CSDL. Ghi nhận các biểu hiện chức năng không đúng hoặc hư hỏng dữ liệu.

**2.1.2. Kiểm thử chức năng**

Tập trung vào các chức năng có thể lần vết trực tiếp về use case hoặc chức năng nghiệp vụ và các quy định nghiệp vụ. Mục tiêu là để xác nhận việc xử lý, chấp nhận, lấy dữ liệu và cài đặt các quy định được đúng đắn.

**2.1.3. Kiểm thử giao diện người dùng**

Kiểm tra giao diện xác nhận những tương tác của người dùng với hệ thống. Mục tiêu là để chắc chắn giao diện người dùng cung cấp cho người dùng những truy xuất hợp lệ và những chức năng hợp lệ. Việc kiểm tra này còn đảm bảo rằng những đối tượng trong giao diện hoạt động đúng như mong muốn và đúng theo chuẩn.

## 2.2. Kĩ thuật kiểm thử

Sử dụng phương thức kiểm tra động để kiểm thử các chức năng thông qua các test case.

# Test case

## Danh sách các test case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên test case** | **Đối tượng test** | **Ý nghĩa** |
| 1 | Xóa loại khách thành công | ListView trong màn hình Danh sách loại khách. | Tồn tại loại khách và xóa được loại khách đó. |
| 2 | Xóa loại khách không thành công | Button trong màn hình Danh sách loại khách. | Không xóa được loại khách. |
| 3 | Nút xóa đặt đúng vị trí bên dưới danh loại khách | Button xóa trong màn hình Danh sách loại khách. | Thuận tiện cho người dùng khi cần xóa loại khách. |
| 4 | Nhận diện hành động bấm nút xóa | Button xóa trong màn hình Danh sách loại khách. | Khi bấm được thì mới xóa được. |
| 5 | Danh sách loại khách cập nhật lại | ListView trong màn hình Danh sách loại khách. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút để xóa 1 hàng. |
| 6 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi xóa | File chứa dữ liệu phần loại khách của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi theo. |
| 7 | Menu chứa màn hình Danh sách loại phòng | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình Danh sách loại phòng có tồn tại. |
| 8 | Danh sách loại phòng nằm đúng vị trí giữa màn hình và bên dưới các button Edit, Delete và Add | ListView chứa danh sách loại phòng trong màn hình Danh sách loại phòng. | Dễ nhìn cho người dùng. |
| 9 | Thông tin hiển thị loại phòng rõ ràng theo từng mục | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Hiển thị thông tin rõ ràng dễ nhìn cho người dùng. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 10 | Dữ liệu loại phòng hiển thị đúng cấu trúc kiểu dữ liệu | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng nhìn dễ hiểu |
| 11 | Chọn được từng loại phòng | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng chọn được loại khách họ muốn. |
| 12 | Tải dữ liệu lên màn hình Danh sách loại phòng thành công | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Biết được quá trình tải dữ liệu lên không bị lỗi. |
| 13 | Tải dữ liệu lên màn hình Danh sách loại phòng thất bại | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Biết được quá trình tải dữ liệu lên có lỗi. |
| 14 | Xóa loại phòng không thành công | Button xóa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Lỗi của quá trình xóa. |
| 15 | Nút xóa đặt đúng vị trí góc phải dưới tên màn hình và trên danh sách loại phòng | Button xóa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện cho người dùng khi cần xóa loại phòng. |
| 16 | Xóa loại phòng thành công | Button xóa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Khi bấm được button xóa thì xóa được loại phòng. |
| 17 | Cập nhật danh sách loại phòng | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút để xóa 1 hàng. |
| 18 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi xóa 1 loại phòng | File chứa dữ liệu phần loại phòng của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi khi xóa. |
| 19 | Chỉnh sửa loại phòng thành công | ListView và button Edit trong màn hình Danh sách loại phòng. | Tồn tại loại phòng và chỉnh sửa được loại phòng đó. |
| 20 | Chỉnh sửa loại phòng không thành công | ListView và button Edit trong màn hình Danh sách loại phòng. | Lỗi khi chỉnh sửa 1 loại phòng. |
| 21 | Nút chỉnh sửa đặt đúng vị trí ngay phía phải dưới tên màn hình và bên phải nút xóa | Button chỉnh sửa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện cho người dùng khi cần chỉnh sửa loại phòng. |
| 22 | Nhận diện hành động bấm nút chỉnh sửa | Button chỉnh sửa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Khi bấm được thì mới cập nhật lại thông tin trong khung chỉnh sửa xuống listView. |
| 23 | Danh sách loại phòng cập nhật lại | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút chỉnh sửa 1 loại khách. |
| 24 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi chỉnh sửa | File chứa dữ liệu phần loại phòng của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi theo. |
| 25 | Hiển thị thông tin trong khung chỉnh sửa | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thông tin cần chỉnh sửa của 1 hàng sẽ được hiển thị trên khung chỉnh sửa. |
| 26 | Nút thêm đặt đúng vị trí ngay phía phải dưới tên màn hình và trước button Edit | Button thêm trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện cho người dùng khi cần thêm loại phòng. |
| 27 | Thêm loại phòng thành công | ListView và button Edit trong màn hình Danh sách loại phòng. | Loại phòng chưa tồn tại trong danh sách loại phòng. |
| 28 | Thêm loại phòng không thành công | ListView và button Edit trong màn hình Danh sách loại phòng. | Lỗi khi thêm 1 loại phòng. |
| 29 | Nhận diện hành động bấm nút thêm | Button thêm trong màn hình Danh sách loại phòng. | Khi bấm được thì mới thêm thông tin vào dữ liệu và listView |
| 30 | Danh sách loại phòng cập nhật lại | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút thêm loại phòng. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 31 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi thêm | File chứa dữ liệu phần loại phòng của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi theo. |
| 32 | Khung thêm loại phòng đúng vị trí | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện khi người dùng muốn thêm một loại mới. |
| 33 | Khung thêm loại phòng nhập dữ liệu được | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Lấy thông tin nhập từ EditText để thêm vào danh sách loại phòng. |
| 34 | Tên loại phòng bị trùng | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Đã tồn tại loại phòng đó. |
| 35 | Đơn giá loại phòng khi thêm đúng kiểu dữ liệu. | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Phải nhập đúng kiểu giá cho loại phòng mới lưu được. |
| 36 | Đơn giá loại phòng khi thêm không đúng kiểu dữ liệu. | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Sai kiểu dữ liệu. |
| 37 | Tên loại phòng đúng kiểu dữ liệu. | EditText loại phòng trong màn hình Danh sách loại phòng. | Phải nhập đúng kiểu tên loại phòng mới lưu được. |
| 38 | Tên loại phòng không đúng kiểu dữ liệu. | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Sai kiểu dữ liệu tên loại phòng. |
| 39 | Lỗi lưu xuống cơ sở dữ liệu khi thêm phòng | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng sẽ được thông báo để biết dữ liệu nhập vào lưu xuống cơ sở dữ liệu có lỗi. |
| 40 | Lỗi lưu xuống cơ sở dữ liệu khi chỉnh sửa phòng | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng sẽ được thông báo để biết dữ liệu chỉnh sửa đã sai hoặc lưu xuống data có lỗi. |
| 41 | Cảnh báo khi xóa một loại phòng | Button xóa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng biết được họ muốn xóa loại phòng đó hay không. |
| 42 | Cảnh báo khi xóa một loại khách | Button xóa trong màn hình Danh sách loại khách. | Người dùng biết được họ muốn xóa loại khách đó hay không. |
| 43 | Đơn giá khi chỉnh sửa loại phòng đúng kiểu | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng biết được đơn giá nhập vào đúng. |
|  | Đơn giá khi chỉnh sửa loại phòng sai kiểu | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng biết được đơn giá nhập vào sai. |
| 44 | Menu chứa màn hình Thay đổi phụ thu | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình thay đổi phụ thu có tồn tại. |
| 45 | Tiêu đề phụ thu đúng vị trí | Label chứa tên màn hình trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Dễ nhìn cho người dùng. |
| 46 | Khung chỉnh sửa phụ thu đúng vị trí | EditText trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Dễ nhìn và thao tác cho người dùng. |
| 47 | Có nút xác nhận thay đổi phụ thu phía dưới và giữa màn hình | Button xác nhận trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Thuận tiện cho người dùng. |
| 48 | Có nút hủy bỏ thay đổi phụ thu phía dưới và bên phải nút xác nhận thay đổi phụ thu | Button hủy bỏ trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Thuận tiện cho người dùng. |
| 49 | Thông báo khi nhấn nút xác nhận cập nhật phụ thu | Message khi bấm nút xác nhận trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Giúp người dùng kiểm tra lại lần cuối trước khi cập nhật giá trị mới. |
| 50 | Kiểm tra giá trị phụ thu cần cập nhật | EditText trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Xác nhận xem giá trị phụ thu có hợp lệ hay không. |
| 51 | Dữ liệu cập nhật mới khi thay đổi phụ thu thành công | File lưu trữ dữ liệu phụ thu. | Biết được dữ liệu đã được cập nhật xuống nơi lưu trữ thành công. |
| 52 | Dữ liệu cập nhật mới khi thay đổi phụ thu không thành công | File lưu trữ dữ liệu phụ thu. | Biết được dữ liệu đã được cập nhật xuống nơi lưu trữ có lỗi. |
| 53 | Menu chứa màn hình Thay đổi số khách tối đa | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình Thay đổi số khách tối đa có tồn tại. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 54 | Tiêu đề chỉnh sửa số khách tối đa đúng vị trí | Label chứa tên màn hình trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Dễ nhìn và thao tác cho người dùng. |
| 55 | Khung chỉnh sửa số khách tối đa đúng vị trí | EditText trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Dễ nhìn và thao tác cho người dùng. |
| 56 | Có nút xác nhận thay đổi số khách tối đa phía dưới và giữa màn hình. | Button xác nhận trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Thuận tiện cho người dùng. |
| 57 | Có nút hủy bỏ thay đổi số khách tối đa phía dưới và bên phải nút xác nhận thay đổi số khách tối đa | Button hủy bỏ trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Thuận tiện cho người dùng. |
| 58 | Thông báo khi nhấn nút cập nhật | Message khi bấm nút xác nhận trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Giúp người dùng kiểm tra lại lần cuối trước khi cập nhật giá trị mới. |
| 59 | Kiểm tra giá trị số khách tối đa cần cập nhật | EditText trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Xác nhận xem giá trị số khách tối đa có hợp lệ hay không. |
| 60 | Dữ liệu cập nhật mới khi thay đổi số khách tối đa | File lưu trữ dữ liệu số khách tối đa. | Dữ liệu đã được cập nhật xuống nơi lưu trữ liệu. |
| 61 | Menu chứa màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng có tồn tại. |
| 62 | Tên màn hình nằm đúng vị trí trên và giữa màn hình | label chứa tên màn hình trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Dễ nhìn cho người dùng. |
| 63 | Bảng báo cáo doanh thu theo loại phòng nằm đúng vị trí bên dưới tiêu đề | ListView chứa báo cáo trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Dễ nhìn cho người dùng. |
| 64 | Thông tin hiển thị báo cáo rõ ràng theo tên, doanh thu và tỉ lệ | ListView trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Hiển thị thông tin rõ ràng dễ nhìn cho người dùng. |
| 65 | Dữ liệu doanh thu theo loại phòng hiển thị đúng cấu trúc | ListView trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Dữ liệu giống với dữ liệu được tính toán. |
| 66 | Được chọn hiển thị báo cáo theo từng tháng từ tháng 1 đến tháng 12. | Combobox trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Xem báo cáo theo từng tháng. |
| 67 | Tải dữ liệu lên màn hình Danh sách loại phòng thành công | ListView trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Biết được quá trình tải dữ liệu lên không có lỗi. |
| 68 | Tải dữ liệu lên màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng thất bại | ListView trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Biết được quá trình tải dữ liệu lên có lỗi. |
| 69 | Tháng được lựa chọn trong combobox ở màn hình Báo cáo mật độ sử dụng phòng đã có số liệu để thống kê | Tháng được chọn trong combobox trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Đảm bảo hiển thị báo cáo đúng với yêu cầu của người dùng |
| 70 | Tháng được lựa chọn trong combobox ở màn hình Báo cáo mật độ sử dụng phòng chưa có số liệu để thống kê | Tháng được chọn trong combobox trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Phát hiện lỗi không có dữ liệu để hiển thị thông báo thay vì hiển thị báo cáo cho người dùng |
| 71 | Nội dung Báo cáo mật độ được tải lên thành công | ListView trong màn hình Báo cáo mật độ sử dụng phòng. | Đảm bảo không có lỗi trong quá trình sử dụng app |
| 72 | Nội dung Báo cáo mật độ được tải lên không thành công | ListView trong màn hình Báo cáo mật độ sử dụng phòng. | Phát hiện lỗi và thông báo cho người dùng. Đảm bảo thông suốt trong quá trình sử dụng app. |
| 73 | Phòng được chọn để thay đổi không có khách thuê | Nút “Chỉnh sửa” ở màn hình Chi tiết phòng và thông tin trạng thái phòng | Đảm bảo yêu cầu không chỉnh sửa phòng khi khách đang sử dụng |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 74 | Phòng được chọn để thay đổi đang có khách thuê | Nút “Chỉnh sửa” ở màn hình Chi tiết phòng và thông tin trạng thái phòng | Đảm bảo yêu cầu không chỉnh sửa phòng khi khách đang sử dụng, xuất thông báo cho người dùng biết. |
| 75 | Mã phòng được thay đổi hợp lệ | Nội dung trong textbox trong màn hình Thay đổi thông tin phòng | Đảm bảo tính duy nhất của mã phòng |
| 76 | Mã phòng được thay đổi không hợp lệ | Nội dung trong textbox trong màn hình Thay đổi thông tin phòng | Đảm bảo tính duy nhất của mã phòng, thông báo để người dùng chỉnh sửa cho phù hợp |
| 77 | Thông tin sau khi thay đổi ở màn hình “Thay đổi thông tin phòng” lưu thành công | Bảng Phòng trong cơ sở dữ liệu | Đảm bảo thông tin luôn được cập nhật chính xác |
| 78 | Thông tin sau khi thay đổi ở màn hình “Thay đổi thông tin phòng” lưu không thành công | Bảng Phòng trong cơ sở dữ liệu | Đảm bảo thông tin luôn được cập nhật chính xác, có thông báo khi hệ thống xảy ra lỗi |
| 79 | Nhập thông tin tìm kiếm nhân viên có tồn tại | Thanh tìm kiếm trong màn hình Danh sách nhân viên | Hiển thị đúng nhân viên cần tìm |
| 80 | Nhập thông tin tìm kiếm nhân viên không tồn tại | Thanh tìm kiếm trong màn hình Danh sách nhân viên | Hiện danh sách trống, đảm bảo không xảy ra lỗi |
| 81 | Tắt chế độ tìm kiếm nhân viên | Nút tắt chế độ tìm kiếm  Thanh tìm kiếm trong màn hình Danh sách nhân viên | Trả về danh sách đầy đủ các nhân viên |
| 82 | Số lượng nhân viên không quá kích thước hiển thị | Listview trong màn hình Danh sách nhân viên | Hiển thị nhân viên cho người dùng |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 83 | Số lượng nhân viên lớn hơn kích thước hiển thị | Listview trong màn hình Danh sách nhân viên | Đảm bảo xuất hiện scrollbar để người dùng xem được tất cả nhân viên |
| 84 | Xóa một nhân viên thành công | Nút xóa nhân viên và bảng dữ liệu nhân viên | Đảm bảo dữ liệu thay đổi đúng |
| 85 | Xóa nhiều nhân viên thành công | Nút xóa nhân viên và bảng dữ liệu nhân viên | Đảm bảo dữ liệu thay đổi đúng |
| 86 | Xóa nhân viên không thành công | Nút xóa nhân viên và bảng dữ liệu nhân viên | Đảm bảo dữ liệu thay đổi đúng. Thông báo khi có lỗi xảy ra |
| 87 | Hủy Xóa nhân viên | Nút hủy sau khi chọn xóa nhân viên | Đảm bảo giữ nguyên dữ liệu ban đầu |
| 88 | Chọn 1 nhân viên trong danh sách để xem thông tin | List view trong màn hình Danh sách nhân viên | Chuyển màn hình đúng với yêu cầu |
| 89 | Lấy thông tin tài khoản để hiển thị thành công | Bảng NhanVien | Hiển thị đúng nội dung cần hiển thị cho người dùng |
| 90 | Lấy thông tin tài khoản để hiển thị không thành công | Bảng NhanVien | Hiển thị đúng nội dung cần hiển thị cho người dùng. Thông báo khi có lỗi xảy ra |
| 91 | Số điện thoại nhân viên được thay đổi không hợp lệ | Textbox số điện thoại | Đảm bảo kiểu dữ liệu |
| 92 | Lưu thay đổi thông tin nhân viên thành công | Nút Lưu ở màn hình Thay đổi thông tin nhân viên | Đảm bảo lọc hết các lỗi, lưu đúng những gì đã thay đổi trên CSDL |
| 93 | Lưu thay đổi thông tin nhân viên không thành công | Nút Lưu ở màn hình Thay đổi thông tin nhân viên | Đảm bảo lọc hết các lỗi, lưu đúng những gì đã thay đổi trên CSDL. Thông báo khi có lỗi xảy ra |
| 94 | Người dùng đăng nhập đúng username và password | Tài khoản trong CSDL | Đối chiếu với CSDL xem có đúng tài khoản và mật khẩu không. Nếu đúng thì vào được màn hình chính |
| 95 | Username không tồn tại | Tài khoản trong CSDL | Đảm bảo việc phải có đăng kí thì mới có thể đăng nhập được |
| 96 | Người dùng nhập sai mật khẩu | Tài khoản trong CSDL | Thông báo để người dùng kiểm tra lại |
| 97 | Nhập thiếu username | Textbox Username trong màn hình đăng nhập | Không cho phép nhấn nút đăng nhập |
| 98 | Nhập thiếu password | Textbox Password trong màn hình đăng nhập | Không cho phép nhấn nút đăng nhập |
| 99 | Người dùng quên mật khẩu | Button Quên mật khẩu | Người dùng quên mật khẩu thì có thể click vào button này để lấy lại mật khẩu |
| 100 | Nhập Số điện thoại trùng với số điện thoại của nhân viên đã tồn tại | Textbox SĐT trong màn hình Đăng kí + CSDL | Đảm bảo tính duy nhất của SĐT |
| 101 | Nhập Số điện thoại không hợp lệ | Textbox SĐT trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu. Thông báo cho người dung kiểm tra lại |
| 102 | Không nhập SĐT | Textbox SĐT trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo thông tin đầy đủ của một nhân viên |
| 103 | Nhập số CMND trùng với số CMND đã tồn tại | Textbox CMND trong màn hình Đăng kí + CSDL | Đảm bảo tính duy nhất của CMND |
| 104 | Nhập số CMND không hợp lệ | Textbox CMND trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu. Thông báo cho người dung kiểm tra lại |
| 105 | Không nhập số CMND | Textbox CMND trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo thông tin đầy đủ của một nhân viên |
| 106 | Không nhập Địa chỉ | Textbox Địa chỉ trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo thông tin đầy đủ của một nhân viên |
| 107 | Nhập username đã tồn tại | Textbox username trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo tính duy nhất của username |
| 108 | Không nhập username | Textbox username trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo thông tin đầy đủ để nhân viên có thể đăng nhập |
| 109 | Nhập password không hợp lệ | Textbox Password trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo độ dài của password, tăng tính bảo mật |
| 110 | Không nhập password | Textbox Password trong màn hình Đăng kí | Đảm bảo thông tin đầy đủ để nhân viên có thể đăng nhập |
| 111 | Đăng kí thành công tài khoản cho nhân viên | - Button Đăng kí  - Tạo tài khoản mới trong CSDL | Tạo tài khoản cho nhân viên sử dụng |
| 112 | Đăng kí không thành công tài khoản cho nhân viên | - Button Đăng kí  - Không tạo được tài khoản trong CSDL | Tài khoản không thể tạo do người dùng không cung cấp đầy đủ thông tin |
| 113 | Hủy thao tác đăng kí tài khoản | Button Huỷ bỏ | Huỷ bỏ thao tác đăng kí và đưa người dùng về màn hình chính |
| 114 | Người dùng Đăng xuất thành công | - Button Đăng xuất  - Button Yes | Khi bấm Đăng xuất, 1 hộp thoại sẽ hiện lên. Người dùng bấm Yes sẽ quay về màn hình đăng nhập |
| 115 | Người dùng nhấn nhầm button Đăng xuất | - Button Đăng xuất  - Button No | Khi bấm Đăng xuất, 1 hộp thoại sẽ hiện lên. Người dùng bấm No, hộp thoại sẽ biến mất và vẫn ở màn hình hiện tại |
| 116 | Người dùng click button Đổi mật khẩu | Button Đổi mật khẩu | Khi người dùng click vào button Đổi mật khẩu. Ứng dụng sẽ đưa người dùng vào màn hình đổi mật khẩu |
| 117 | Đổi mật khẩu thành công | - Button Lưu  - Tài khoản trong CSDL | Khi người dùng click button Lưu, mật khẩu của tài khoản trong CSDL sẽ được thay đổi => tài khoản thay đổi mật khẩu thành công |
| 118 | Lưu thông tin mật khẩu muốn đổi không thành công | Button Lưu | Hiện thông báo “Bạn cần điền đầy đủ thông tin trước khi muốn thay đổi mật khẩu” |
| 119 | Thoát khỏi màn hình Đổi mật khẩu | - Button Huỷ  - Button Yes | Hủy thao tác đổi mật khẩu, trở về màn hình vừa xem |
| 120 | Nhấn nhầm button Huỷ khi ở màn hình Đổi mật khẩu | - Button Huỷ  - Button Huỷ | Hộp thoại hiện ra thông báo “Bạn có muốn trở lại màn hình lúc nãy?”. Người dùng bấm No, ứng dụng sẽ tắt thông báo và ở lại màn hình Đổi mật khẩu |
| 121 | Tìm đúng tên phòng | - Textbox Tìm kiếm phòng  - Button Tìm | Hiện ra phòng cần tìm |
| 122 | Không nhập tên phòng khi tìm | Button Tìm | Vẫn giữ nguyên màn hình Danh sách phòng |
| 123 | Nhập không đúng tên phòng | - Textbox Tìm kiếm phòng  - Button Tìm | Hiện ra thông báo “Tên phòng bạn tìm không có” |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 124 | Xem danh sách phòng | Scrollbar | Hiện tên phòng khác khi scroll lên/xuống |
| 125 | Click vào checkbox Xem phòng trống | Checkbox Xem phòng trống | Hiện lên danh sách các phòng trống |
| 126 | Click vào bất cứ phòng nào | Các items trong List View | Khi click vào bất cứ phòng nào thì ứng dụng sẽ đưa đến màn hình Thông tin chi tiết phòng của phòng đó |
| 127 | Xoá phòng thành công | - Button Xoá phòng  - Button Yes  - CSDL của phòng | Màn hình hiện lên thông báo “Bạn có chắc chắn xoá phòng này?”. Ứng dụng sẽ tự động đưa về màn hình Danh sách phòng và phòng đó biến mất. Đồng thời, chính phòng đó sẽ bị xoá khỏi CSDL |
| 128 | Xoá phòng không thành công | - Button Xoá phòng  - Button No | Màn hình hiện lên thông báo “Bạn có chắc chắn xoá phòng này?”. Ứng dụng sẽ tiếp tục ở màn hình Chi tiết phòng |
| 129 | Chỉnh sửa thông tin phòng | Button Chỉnh sửa phòng | Đi tới màn hình Chỉnh sửa phòng |
| 130 | Nhập mã phòng mới trùng với mã phòng đã tồn tại | Textbox Mã phòng trong màn hình Thay đổi thông tin phòng + CSDL | Đảm bảo mã phòng không trùng trong CSDL |
| 131 | Để trống mã phòng | Textbox Mã phòng trong màn hình Thay đổi thông tin phòng | Đảm bảo đầy đủ thông tin cho một phòng |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 132 | Để trống thông tin loại phòng | ComboBox trong màn hình Thay đổi thông tin phòng | Đảm bảo đầy đủ thông tin cho một phòng |
| 133 | Xem Danh sách khách | Scrollbar | Hiện tên khách khác khi scroll lên/xuống |
| 134 | Xoá tên khách thành công | - Button Delete  - Button Yes  - CSDL khách | Màn hình hiện lên thông báo “Bạn có chắc chắn xoá người này?”. Ứng dụng sẽ tự động đưa về màn hình Danh sách khách và người đó biến mất. Đồng thời người khách ấy sẽ bị xoá ra khỏi CSDL |
| 135 | Xoá tên khách không thành công | - Button Delete  - Button No | Màn hình hiện lên thông báo “Bạn có chắc chắn xoá người này?”. Ứng dụng sẽ tự động đưa về màn hình Danh sách khách mà không có bất kì thay đổi nào |
| 136 | Xem Thông tin khách | Các items trong Listview | Hiện màn hình chi tiết khách |
| 137 | Xoá khách thành công (Màn hình Thông tin khách) | - Button Delete  - Button Yes  - CSDL khách | Màn hình hiện lên thông báo “Bạn có chắc chắn xoá người này?”. Ứng dụng sẽ tự động đưa về màn hình Danh sách khách và người đó biến mất. Đồng thời người khách ấy sẽ bị xoá ra khỏi CSDL |
| 138 | Xoá khách không thành công (Màn hình Thông tin khách) | - Button Delete  - Button No | Màn hình hiện lên thông báo “Bạn có chắc chắn xoá người này?”. Ứng dụng sẽ tiếp tục ở màn hình Thông in khách |
| 139 | Chọn nút chỉnh sửa khi ở màn hình Thông tin khách | Button Edit | Đi tới màn hình Chỉnh sửa thông tin khách |
| 140 | Nhập Họ tên khách sai kiểu dữ liệu | Textbox trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Để xác định chính xác là tên người dùng là một chuỗi |
| 141 | Để trống Họ tên khách | Textbox trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Thông tin khách hàng sau khi chỉnh sửa không được để trống |
| 142 | Để trống số CMND khách | Textbox trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Thông tin khách hàng không được để trống |
| 143 | Nhập số CMND khách không hợp lệ | Textbox trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Đảm bảo việc nhận cmnd của khách hàng là một chuỗi số |
| 144 | Không chọn loại phòng | Combobox trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Xác định xem người thuê phòng đang hiện thuê phòng nào |
| 145 | Trường loại phòng không hiển thị dữ liệu để chọn | Combobox trong form Chỉnh sửa thông tin khách hàng | Kiểm tra hoạt động của CSDL |
| 146 | Không chọn loại khách | Combobox trong form Chỉnh sửa thông tin khách hàng | Không dược để trống loại khách, khi khách thuê phòng ở khách sạn |
| 147 | Nút Chỉnh sửa đặt đúng chỗ | Nút button phải được đặt đúng chỗ trong form Chỉnh sửa thông tin khách hàng | Vị trí của nút button phần nào làm cho giao diện them dễ sài và đẹp mắt |
| 148 | Lưu thông tin khách sau khi thay đổi thành công | Nút Lưu trong màn hình Chỉnh sửa thông tin khách hàng + CSDL | Đảm bảo dữ liệu được cập nhật |
| 149 | Lưu thông tin khách sau khi thay đổi không thành công | Nút Lưu trong màn hình Chỉnh sửa thông tin khách hàng + CSDL | Đảm bảo dữ liệu được cập nhật. Thông báo khi có lỗi xảy ra |
| 150 | Thanh toán thành công | Nút nằm trong form Thanh Toán | Lưu thông tin hóa đơn  Trở về màn hình Thông tin phòng |
| 151 | Thanh toán không thành công | Nút nằm trong form Thanh toán | Phải có hiển thị thông báo khi có lỗi xảy ra từ hệ thống hoặc do nhập sai thông tin |
| 152 | Không tải dữ liệu mã phòng để hiển thị | Label mã phòng trong form Thanh toán | Kiểm tra hoạt động của CSDL |
| 153 | Tính đúng tổng số khách của phòng | Label mã phòng trong form Thanh toán + CSDL | Đảm bảo tính đúng thông số |
| 154 | Tính sai tổng số khách | Label mã phòng trong form thanh toán + CSDL | Đảm bảo tính đúng thông số |
| 155 | Không tải dữ liệu loại phòng để hiển thị | Combobox trong form thanh toán | Xác định loại phòng khách hàng thuê tại khách sạn |
| 156 | Không nhập địa chỉ khách thanh toán | Textbox trong form thanh toán | Đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin |
| 157 | Không nhập tên khách thanh toán | Textbox trong form thanh toán | Đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin |
| 158 | Không nhập CMND khách thanh toán | Textbox trong form thanh toán | Đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin |
| 159 | Thanh toán không thành công | Nút Thanh toán trong màn hình thanh toán + CSDL | Thông tin khách thanh toán không tồn tại. Thông báo để người dùng kiểm tra |
| 160 | Ngày Trả Phòng sai kiểu dữ liệu | Listview trong form Đặt phòng | Xem ngày khách thuê phòng để xác định cột mốc tính tiền cho khách hàng |
| 161 | Ngày Trả Phòng để trống | Listview trong form Đặt phòng | Nếu ngày trả phòng để trống sẽ không thanh toán được tiền cho khách hàng |
| 162 | Nhập CMND sai kiểu dữ liệu | Listview trong form Đặt phòng | Cần xác định số cmnd của khách hàng khi thuê phòng tại khách sạn |
| 163 | Để trống số CMND | Listview trong form Đặt phòng | Phải cung cấp đầy đủ thông tin |
| 164 | Để trống Địa chỉ | Listview trong form Đặt phòng | Phải cung cấp đầy đủ thông tin |
| 165 | Không tải được mã phòng để hiển thị | Label trong form Đặt phòng | Xác định mã phòng để biết khách thuê phòng số mấy của khách sạn |
| 166 | Ngày Bắt Đầu Thuê để trống | Textbox trong form Đặt phòng | Xác định ngày thuê của khách tiện cho việc tính tiền |
| 167 | Ngày Bắt Đầu Thuê sai kiểu dữ liệu | Textbox trong form Đặt phòng | Xác định ngày thuê của khách tiện cho việc tính tiền |
| 168 | Không tải dữ liệu loại phòng | Label trong form Đặt phòng | Hiển thị đầy đủ thông tin để có thể báo cho khách |
| 169 | Không tải dữ liệu Mã phòng | Label trong form Đặt phòng | Hiển thị đầy đủ thông tin để có thể báo cho khách |
| 170 | Không tải dữ liệu Số khách tối đa | Label trong form Đặt phòng | Hiển thị đầy đủ thông tin để có thể báo cho khách |
| 171 | Ngày bắt đầu thuê để trống | Textbox trong form Đặt phòng | Xác định ngày khách thuê phòng |
| 172 | Ngày bắt đầu thuê sai kiểu dữ liệu | Textbox trong form Đặt phòng | Xác định ngày khách thuê phòng |
| 173 | Ngày trả phòng để trống | Textbox trong form Đặt phòng | Xác định khách thuê phòng trong bao nhiêu ngày thuận tiện cho việc tính tiền |
| 174 | Ngày trả phòng sai kiểu dữ liệu | Textbox trong form Đặt phòng | Xác định khách thuê phòng trong bao nhiêu ngày thuận tiện cho việc tính tiền |
| 175 | Đặt phòng thành công | Nút button trong form Đặt phòng | Thông tin đặt phòng được lưu, chuyển về màn hình Chi tiết phòng |
| 176 | Đặt phòng không thành công | Nút button trong form Đặt phòng | Có lỗi khi nhập các thông tin cần thiết. Hiển thị thông báo để người dùng kiểm tra. |
| 177 | Xóa phòng thành công | Nút Xóa trong form Chi tiết phòng + CSDL | Đảm bảo thông tin phòng được xóa, trở về màn hình Danh sách phòng |
| 178 | Xóa phòng không thành công | Nút Xóa trong form Chi tiết phòng + CSDL | Lỗi khi phòng đang có khách thuê. Thông báo để người dùng kiểm tra. |
| 179 | Hủy xoá phòng | Nút Xóa trong messagebox + CSDL | Đảm bảo giữ nguyên dữ liệu |
| 180 | Xóa loại khách thành công | Nút xóa loại khách + CSDL | Đảm bảo CSDL đã thay đổi, cập nhật để hiển thị lên màn hình |
| 181 | Xóa loại khách không thành công | Nút xóa loại khách + CSDL | Xuất thông báo cho người dùng |
| 182 | Xóa hết loại khách | Nút xóa loại khách + CSDL | Hiển thị cảnh báo khi người dùng muốn xóa hết loại khách |
| 183 | Hủy xóa loại khách | Nút xóa loại khách + CSDL | Đảm bảo dữ liệu loại khách được giữ nguyên |
| 184 | Nhấn nút chỉnh sửa loại khách | Nút chỉnh sửa loại khách trong form Quản lý loại khách | Cho phép chỉnh sửa loại khách trong listview |
| 185 | Hệ số loại khách bỏ trống | Textbox hệ số loại khách | Đảm bảo đầy đủ dữ liệu |
| 186 | Hệ số loại khách sai kiểu dữ liệu | Textbox hệ số loại khách | Đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu |
| 187 | Không thể tải dữ liệu loại khách để hiển thị | Listview trong form Quản lý loại khách | Xuất thông báo cho người dùng kiểm tra lại CSDL |
| 188 | Nhấn nút thêm loại khách | Nút thêm loại khách trong form Quản lý loại khách | Cho phép diền thêm loại khách trong listview |
| 189 | Loại khách mới thêm đã tồn tại | Textbox trong listview ở form Quản lý loại khách | Đảm bảo tính duy nhất của loại khách |
| 190 | Để trống tên loại khách | Textbox trong listview ở form Quản lý loại khách | Phải có đầy đủ thông tin mới thêm được loại khách mới |
| 191 | Thêm loại khách thành công | Nút thêm loại khách trong form Quản lý loại khách + CSDL | Đảm bảo CSDL được cập nhật |
| 192 | Thêm loại khách không thành công | Nút thêm loại khách trong form Quản lý loại khách + CSDL | Xuất thông báo lỗi để người dùng kiểm tra |
| 193 | Chọn màn hình khác khi đang Chỉnh sửa thông tin phòng | Thanh Menu | Phải xác nhận lưu các thông tin đã chỉnh sửa mới có thể chuyển màn hình |
| 194 | Chọn màn hình khác khi đang Chỉnh sửa thông tin khách | Thanh Menu | Phải xác nhận lưu các thông tin đã chỉnh sửa mới có thể chuyển màn hình |
| 195 | Chọn màn hình khác khi đang Chỉnh sửa thông tin nhân viên | Thanh Menu | Phải xác nhận lưu các thông tin đã chỉnh sửa mới có thể chuyển màn hình |
| 196 | Chọn màn hình khác khi đang Đặt phòng | Thanh Menu | Phải xác nhận lưu các thông tin đã chỉnh sửa mới có thể chuyển màn hình |
| 197 | Chọn màn hình khác khi đang Thanh toán | Thanh Menu | Phải xác nhận lưu các thông tin đã chỉnh sửa mới có thể chuyển màn hình |
| 198 | Đăng xuất khi chưa hoàn thành tác vụ đang thực hiện | Nút Đăng xuất | Cảnh báo khi chưa hoàn thành các tác vụ liên quan đến thay đổi dữ liệu |
| 199 | Đăng nhập với chức vụ Nhân viên | CSDL | Kiểm tra việc hạn chế các chức năng có thể sử dụng |
| 200 | Đăng nhập với chức vụ quản lý | CSDL | Kiểm tra việc có thể sử dụng tất cả các chức năng của ứng dụng |

## Đặc tả các test case

### 3.2.1. Test case 1

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Chỉnh sửa loại phòng thành công** |
| *Related Use case* | Thay đổi đơn giá loại phòng |
| *Context* | Đăng nhập với chức vụ “Quản lý” |
| *Input Data* | Đơn giá của loại phòng cần chỉnh sửa và tên loại phòng (nếu có thay đổi) |
| *Expected Output* | Loại phòng cần chỉnh sửa được hiển thị trên danh sách đúng giá trị vừa cập nhật, cập nhật vào cơ sở dữ liệu và giá các phòng thuộc loại phòng này phải được cập nhật theo. |
| *Test steps* | Bước 1: Vào màn hình danh sách loại phòng.  Bước 2: Nhấn nút edit.  Bước 3: Chọn 1 hàng muốn chỉnh sửa trên danh sách loại phòng.  Bước 4: Nhấn nút edit.  Bước 5: Xem kết quả trong danh sách hiển thị ở màn hình danh sách loại phòng. |
| *Actual Output* | Loại phòng cần chỉnh sửa được hiển thị trên danh sách đúng giá trị vừa cập nhật, cập nhật vào cơ sở dữ liệu và giá các phòng thuộc loại phòng này phải được cập nhật theo. |
| *Result* | Passed |

### 3.2.2. Test case 2

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Dữ liệu báo cáo doanh thu theo loại phòng hiển thị đúng cấu trúc** |
| *Related Use case* | Xem báo cáo doanh thu theo loại phòng |
| *Context* | Đăng nhập với chức vụ “Quản lý” |
| *Input Data* | Danh sách tên phòng, loại phòng, giá phòng, phụ thu, hệ số khách và số ngày thuê và tháng cần xem. |
| *Expected Output* | Danh sách doanh thu bao gồm cột loại phòng, cột doanh thu và tỉ lệ theo tháng cần xem. |
| *Test steps* | Bước 1: Vào màn hình báo cáo doanh thu theo loại phòng.  Bước 2: Chọn theo tháng cần xem  Bước 3: Xem kết quả trong danh sách hiển thị ở màn hình báo cáo theo loại phòng. |
| *Actual Output* | Danh sách doanh thu bao gồm cột loại phòng, cột doanh thu và tỉ lệ theo tháng cần xem. |
| *Result* | Passed |

### 3.2.3. Test case 3

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Đăng kí không thành công** |
| *Related Use case* | Đăng kí |
| *Context* | Đăng nhập với chức vụ “Quản lý” |
| *Input Data* | - Họ tên  - Username  - Password |
| *Expected Output* | Hiện thông báo “Đăng kí không thành công. Vui lòng không để trống các trường dữ liệu”. |
| *Test steps* | Bước 1: Vào mục đăng kí tài khoản cho nhân viên  Bước 2: Nhập các thông tin:  - Họ tên  - Username  - Password  Bước 3: Click nút Đăng kí |
| *Actual Output* | Hiện thông báo “Đăng kí không thành công. Vui lòng không để trống các trường dữ liệu”. |
| *Result* | Passed |

### 3.2.4. Test case 4

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Tìm kiếm phòng thành công** |
| *Related Use case* | Tìm kiếm phòng |
| *Context* | Người dùng đã đăng nhập |
| *Input Data* | Tên phòng tìm kiếm (đúng tên phòng). |
| *Expected Output* | Hiện thông tin phòng đang tìm kiếm. |
| *Test steps* | Bước 1: Vào mục danh sách phòng  Bước 2: Click vào khung search, gõ đúng tên phòng cần tìm  Bước 3: Click nút Tìm |
| *Actual Output* | Hiện thông tin phòng đang tìm kiếm. |
| *Result* | Passed |

### 3.2.5. Test case 5

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Đổi mật khẩu thành công** |
| *Related Use case* | Đổi mật khẩu |
| *Context* | Người dùng đã đăng nhập |
| *Input Data* | - Username  - Password hiện tại  - Password mới |
| *Expected Output* | Quay lại màn hình chính của ứng dụng và mật khẩu đã được đổi |
| *Test steps* | Bước 1: Chọn mục đổi mật khẩu  Bước 2: Nhập các thông tin  - Username  - Password hiện tại  - Password mới  Bước 3: Click nút Lưu |
| *Actual Output* | Quay lại màn hình chính của ứng dụng và mật khẩu đã được đổi |
| *Result* | Passed |

### 3.2.6. Test case 6

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Xóa nhân viên thành công** |
| *Related Use case* | Xóa nhân viên |
| *Context* | Đăng nhập với chức vụ “Quản lý” |
| *Input Data* | Thông tin ID của nhân viên muốn xóa |
| *Expected Output* | Hiện thông báo “Đã có lỗi xảy ra khi xóa nhân viên. Vui lòng thử lại sau!” |
| *Test steps* | Bước 1: Vào màn hình thông tin của một nhân viên  Bước 2: Chọn nút xóa nhân viên  Bước 3: Nhấn nút OK, xác nhận muốn xóa nhân viên |
| *Actual Output* | Hiện thông báo “Đã có lỗi xảy ra khi xóa nhân viên. Vui lòng thử lại sau!” |
| *Result* | Passed |

### 3.2.7. Test case 7

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Lưu thay đổi thông tin nhân viên không thành công** |
| *Related Use case* | Chỉnh sửa thông tin nhân viên |
| *Context* | Đăng nhập với chức vụ “Quản lý” |
| *Input Data* | - Địa chỉ mới của nhân viên  - Số điện thoại mới của nhân viên  - Chức vụ của nhân viên |
| *Expected Output* | Hiện thông báo “Đã có lỗi xảy ra khi lưu thông tin. Vui lòng thử lại sau!” |

|  |  |
| --- | --- |
| *Test steps* | Bước 1: Vào màn hình Danh Sách Nhân Viên  Bước 2: Chọn một nhân viên bất kì  Bước 3: Click nút Chỉnh sửa  Bước 4: Nhập các thông tin:  - Địa chỉ mới của nhân viên  - Số điện thoại mới của nhân viên  - Chức vụ của nhân viên  Bước 5: Nhấn nút Lưu |
| *Actual Output* | Hiện thông báo “Đã có lỗi xảy ra khi lưu thông tin. Vui lòng thử lại sau!” |
| *Result* | Passed |

### 3.2.8. Test case 8

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Đặt phòng không thành công** |
| *Related Use case* | Đặt phòng |
| *Context* | Đăng nhập với chức vụ “Nhân viên” |
| *Input Data* | - Ngày bắt đầu thuê  - Thông tin các khách thuê phòng |
| *Expected Output* | Hiện thông báo “Thông tin khách hàng hoặc Ngày bắt đầu thuê không hợp lệ. Vui long kiểm tra lại!” |
| *Test steps* | Bước 1: Vào màn hình Danh Sách Phòng  Bước 2: Chọn phòng cần thanh toán  Bước 3: Click nút Thanh toán  Bước 4: Nhập các thông tin:  - Ngày bắt đầu thuê  - Thông tin các khách thuê phòng  Bước 5: Click nút Đặt phòng |
| *Actual Output* | Hiện thông báo “Thông tin khách hàng hoặc Ngày bắt đầu thuê không hợp lệ. Vui long kiểm tra lại!” |
| *Result* | Passed |

### 3.2.9. Test case 9

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Thanh toán không thành công** |
| *Related Use case* | Thanh toán |
| *Context* | Đăng nhập với chức vụ “Nhân viên” |
| *Input Data* | - Tên khách thanh toán  - Số CMND  - Địa chỉ |
| *Expected Output* | Hiện thông báo “Khách hàng thanh toán không tồn tại, vui lòng kiểm tra thông tin trước khi tiến hành thanh toán!” |
| *Test steps* | Bước 1: Vào màn hình Danh Sách Phòng  Bước 2: Chọn phòng cần thanh toán  Bước 3: Click nút Thanh toán  Bước 4: Nhập các thông tin:  - Tên khách thanh toán  - Số CMND  - Địa chỉ  Bước 5: Nhấn nút Thanh toán |
| *Actual Output* | Hiện thông báo “Khách hàng thanh toán không tồn tại, vui lòng kiểm tra thông tin trước khi tiến hành thanh toán!” |
| *Result* | Passed |

### 3.2.10. Test case 10

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Lưu thông tin khách hàng không thành công** |
| *Related Use case* | Chỉnh sửa thông tin khách hàng |
| *Context* | Người dùng đã đăng nhập |
| *Input Data* | - CMND  - Địa chỉ  - Loại khách |
| *Expected Output* | Hiện thông báo “Số CMND hoặc Địa chỉ không hợp lệ hoặc bị trùng. Vui long kiểm tra lại thông tin!” |
| *Test steps* | Bước 1: Vào màn hình Danh Sách Khách  Bước 2: Chọn một khách bất kì  Bước 3: Click nút Chỉnh sửa  Bước 3: Nhập các thông tin:  - Số CMND  - Địa chỉ  - Loại khách  Bước 5: Nhấn nút Lưu |
| *Actual Output* | Hiện thông báo “Số CMND hoặc Địa chỉ không hợp lệ hoặc bị trùng. Vui long kiểm tra lại thông tin!” |
| *Result* | Passede |